

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Phú Lạc 2, huyện Đại Từ (nay là xã La Bằng), tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại Văn bản số 169/CV-TNG ngày 14/4/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3880/TTr-SNNMT ngày 20/04/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Phú Lạc 2, huyện Đại Từ (nay là xã La Bằng), tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương mại TNG (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND xã La Bằng và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động hướng dẫn, đôn đốc Chủ dự án thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công Thương;
- UBND xã La Bằng;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/4/26_MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp (CCN)
Phú Lạc 2, huyện Đại Từ (nay là xã La Bằng), tỉnh Thái Nguyên

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Phú Lạc 2, huyện Đại Từ (nay là xã La Bằng), tỉnh Thái Nguyên.

- Địa điểm thực hiện: Xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên.

- Vị trí ranh giới dự án tiếp giáp:

+ Phía Bắc: Giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện trạng;

+ Phía Nam: Giáp đường Quốc lộ 37 và khu dân cư hiện trạng;

+ Phía Đông: giáp đất nông nghiệp và dân cư hiện trạng xóm Soi Chè;

+ Phía Tây: Giáp dân cư hiện trạng và Ngân hàng Chính sách Đại Từ.

Khu vực trung tâm dự án có suối Điep chảy qua với diện tích mặt nước 8.942,50m². Một đoạn suối Điep đã được kè theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-ĐĐ ngày 01/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án thành phần số 1: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Thái Nguyên thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc. Trong phạm vi dự án, chủ dự án tiếp tục thi công kè đoạn suối Điep còn lại với chiều dài khoảng 246,29m.

- Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.

1.2. Phạm vi, quy mô, các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Phạm vi, quy mô

- Theo điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết được UBND huyện Đại Từ phê duyệt và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh cấp, tổng diện tích sử dụng đất 16,64ha, gồm:

+ Đất công nghiệp quy hoạch mới được chia thành 04 phân lô, gồm: CN-03 diện tích 5.008,68m², CN-04 diện tích 27.512,59m², CN-05 diện tích 7.288,51m², CN-06 diện tích 29.067,51m².

+ Đất công nghiệp hiện trạng, gồm: Nhà máy may Đại Từ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG diện tích 47.002,5m² (nhà máy đang hoạt động ổn định và đã được cấp giấy phép môi trường).

+ Hạ tầng bảo vệ môi trường hiện trạng: 01 trạm XLNT công suất 150m³/ngày.đêm do Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đầu tư xây dựng để xử lý nước thải cho nhà máy may Đại Từ. Căn cứ theo Quyết định điều chỉnh quy hoạch chi tiết, trạm này sẽ được điều chỉnh công suất để phù hợp với định hướng chung của CCN; các thủ tục về môi trường liên quan sẽ do đơn vị thứ cấp trực tiếp thực hiện hồ sơ pháp lý riêng.

+ Hạ tầng bảo vệ môi trường mới: Xây dựng 01 trạm XLNT công suất 282m³/ngày.đêm để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải cho các nhà máy thứ cấp tại các lô đất công nghiệp mới.

- Cơ cấu sử dụng các loại đất của CCN gồm: Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng 104.372,64m² (62,72%), Đất cây xanh chuyên dụng 15.253,91m² (9,17%), Đất cây xanh hạn chế 15.909,50m² (9,56%), Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác 2.768,57m² (1,66%), Đất nông nghiệp và đất khác 9.664,15m² (5,81%), Đường giao thông 15.782,38m² (9,49%), Đất bãi đỗ xe 2.638,77m² (1,59%).

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường: Đánh giá các tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công hạ tầng và vận hành CCN Phú Lạc 2; phạm vi báo cáo không bao gồm đánh giá tác động môi trường của nhà máy may TNG Đại Từ, trạm xử lý nước thải hiện hữu và các dự án đầu tư thứ cấp do các đối tượng này chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục môi trường bằng hồ sơ pháp lý riêng biệt theo quy định.

1.2.2. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào CCN

Thực hiện thu hút đầu tư các ngành nghề vào CCN theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 25/8/2014 về việc thành lập Cụm công nghiệp Phú Lạc 2, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 25/8/2014 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

TT	Các ngành nghề	Mã ngành theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 ¹
1	May mặc	C-14100
2	Sản xuất gia công cơ khí	C-25920
3	Phát triển làng nghề truyền thống, dịch vụ (sản xuất chè)	C-1076
4	Sản xuất bao bì	C-17021
5	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa, chất dẻo	C-2220
6	Dược phẩm	C-2100
7	Sản xuất vật liệu xây dựng	C-239
8	Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ	C-162

¹ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án thuộc nhóm dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, không thuộc nhóm dự án sản xuất do đó không có công nghệ sản xuất.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, quyết định thành lập CCN và hồ sơ thiết kế cơ sở, cụ thể:

- Thực hiện san nền trên toàn bộ diện tích quy hoạch mở rộng thực hiện dự án là 110.444,9m² (không bao gồm 47.002,5m² đất công nghiệp hiện trạng và 8.942,5m² đất sông suối) theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 2041/QĐ-UBND ngày 16/06/2025 của UBND tỉnh và đảm bảo phù hợp với đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng CCN Phú Lạc 2 được UBND huyện Đại Từ phê duyệt tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 21/2/2025 và hồ sơ thiết kế cơ sở; độ dốc san nền theo quy hoạch, đảm bảo phù hợp với cao độ các khu vực xung quanh.

- Hoàn trả đường dân sinh hiện trạng: Thiết kế đường dân sinh hoàn trả mặt cắt ngang có lộ giới 7m nằm ở phía Tây Bắc dự án, chạy sát ranh giới của dự án với chiều dài 210m để hoàn trả tuyến đường dân sinh hiện trạng của khu dân cư thôn Thắng Lợi (đường bê tông, rộng 2,5m, dài 150m).

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật và cây xanh:

+ Hệ thống đường giao thông, gồm 3 tuyến với tổng chiều dài 698,42m với 02 loại mặt cắt ngang có lộ giới 13,5m và 19,5m.

+ Hệ thống cấp nước: Gồm tuyến ống phân phối HDPE D110, chiều dài khoảng 1.373m; ống thép lồng qua đường D150 với chiều dài khoảng 43m; bố trí 06 trụ cứu hỏa trên mạng lưới. Nguồn cấp nước được nối tiếp từ nhà máy nước Đại Từ.

+ Hệ thống cấp điện: Đường dây cấp trung thế 35kV đi qua khu quy hoạch được nắn tuyến, đi nổi trên cột bê tông ly tâm cao 18m nằm dọc tuyến giao thông và hành lang cây xanh cách ly.

+ Hệ thống cây xanh: Tổng diện tích cây xanh khoảng 31.163,41m² (18,73%), gồm đất cây xanh chuyên dụng khoảng 15.253,91m² (9,17%) và đất cây xanh hạn chế khoảng 15,909,50m² (9,56%).

+ Hạng mục kè ộp mái suối Điệp: Thực hiện mở rộng lòng suối (phía Tả suối) và xây dựng hệ thống kè ộp mái với chiều dài khoảng 246,29m (kích thước 0,4x0,4x0,16m), thiết kế mái nghiêng hệ số m = 2 bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn; chân kè gia cố bằng dầm khóa kết hợp hàng ống buy bê tông cốt thép D = 1,0m và rọ thép đá hộc chống xói; Cos cao đỉnh kè từ +59,0m đến +59,5m, cao trình đỉnh chân kè từ +55,0m đến +56,0m, độ dốc đáy suối tương đương hiện trạng; đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây bồi lắng và chống sạt lở bờ bãi suối Điệp đoạn chảy qua khu vực dự án theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

+ Hạng mục cầu cống hộp suối Điệp: Xây dựng 02 cầu cống hộp bê tông cốt thép kết hợp bê tông xi măng tại vị trí giao cắt tuyến giao thông nội bộ CCN Phú Lạc 2 với suối Điệp; quy mô mỗi vị trí gồm 04 khoang với tổng khẩu độ thoát nước khoảng 16m; bề rộng mặt cầu cống lần lượt khoảng 11,0m và 13,5m. Kết cấu cầu sử dụng bê tông cốt thép mác cao, bố trí đồng bộ hệ thống móng, sân công, tường đầu, tường cánh, chân khay và gia cố mái taluy bằng bê tông nhằm chống xói lở, bảo đảm khả năng thoát nước, lưu thông dòng chảy ổn định lòng, bờ suối và an toàn cho khu vực.

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gồm:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa bằng cống BTCT đúc sẵn kích thước cống BTCT D400, D800 và D1000, đảm bảo tiêu thoát nước cho dự án với tổng chiều dài khoảng 687m, bố trí 22 hố ga các loại và 01 cửa xả (toạ độ X=2394845.40; Y = 409344.60).

+ Hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa bằng ống HDPE D300 với chiều dài khoảng 612m, ống thép lồng D500 dài 31m, bố trí 22 hố ga và 01 cửa xả (toạ độ X=2394873.01; Y = 409338.20); xây dựng 01 trạm xử lý nước thải (XLNT) công suất 282m³/ngày.đêm (chia làm 2 module, công suất mỗi module là 141m³/ngày.đêm) tại lô đất HTKT-02 có diện tích 874,37m² (các bể phát sinh mùi xây ngầm và bố trí hệ thống thu gom xử lý mùi phát sinh từ hệ thống XLNT; nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra suối Điệp và điểm tiếp nhận cuối cùng là Sông Công; trạm XLNT có bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT với chiều rộng ≥ 10 m, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng. Bố trí 01 hồ sự cố với thời gian lưu nước là 1,6 ngày tương đương dung tích hữu ích khoảng 450m³ tại lô đất HTKT-02).

+ Hệ thống thu gom và lưu chứa chất thải: Bố trí các thùng rác thu gom rác thải sinh hoạt tại khu vực công cộng, trục đường giao thông và cây xanh với khoảng cách 01thùng/100m; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển về bãi rác của xã La Bằng trong ngày; bố trí, trang bị các thùng chứa CTNH có nắp đậy kín, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định và đặt tại khu vực riêng biệt trong nhà điều hành; vị trí đặt thùng đảm bảo sàn kín khít, không ngập lụt, có mái che và đáp ứng các điều kiện lưu giữ an toàn theo Điều 35, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại nhà điều hành (có diện tích 28,8m²) của trạm XLNT công suất 282 m³/ngày.đêm tại lô đất HTKT-02.

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng trên diện tích 110.444,9m²; hoàn trả 150m tuyến đường dân sinh hiện trạng bằng tuyến đường bê tông nhựa (lộ giới 7,0m, chiều dài 210m), phá dỡ các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của 24 hộ dân gồm: Khoảng 1.320m² nhà bê tông 2 tầng, 3.960m² nhà bê tông 01 tầng, 3.840m² nhà lợp mái bro xi măng 01 tầng, di dời 73 ngôi mộ. Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng bởi các hoạt động trên là 89 hộ. Kết quả tham vấn cộng đồng dân cư của dự án cho thấy, các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các hoạt động nêu trên đều đồng thuận với việc triển khai dự án và sẽ chấp hành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng của nhà nước.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, gồm:

+ Hạng mục san nền: san nền tạo mặt bằng trên tổng diện tích 110.444,9m², độ dốc san nền $\geq 0,4\%$, cao độ san nền thấp nhất là +61,50m và cao nhất là +62,10m.

+ Hoạt động đào đắp trong thi công xây dựng phát sinh đất bóc tầng đất mặt, đất yếu; hoạt động nắn chỉnh, hoàn trả nương thủy lợi, nhà dân và mộ xây làm phát sinh lượng chất thải từ phá dỡ.

+ Hoạt động vận chuyển đất đắp san nền, vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ dự án; hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Thi công hoàn trả tuyến đường dân sinh: Hoàn trả đường dân sinh hiện trạng của khu dân cư thôn Thắng Lợi (đường bê tông, rộng 2,5m, dài 150m) bằng bê tông nhựa mặt cắt ngang có lộ giới 7m với tổng chiều dài 210m.

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động thi công hạng mục nắn chỉnh kè suối Điệp bằng kè ốp mái xây dựng hệ thống kè ốp mái với chiều dài khoảng 246,29m (kích thước 0,4x0x4x0,16m), thiết kế mái nghiêng hệ số $m = 2$ bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn; chân kè gia cố bằng dầm khóa kết hợp hàng ống buy bê tông cốt thép $D = 1,0m$ và rọ thép đá hộc chống xói; Cos cao đỉnh kè từ +59,0m đến +59,5m, cao trình đỉnh chân kè từ +55,0m đến +56,0m, độ dốc đáy suối tương đương hiện trạng.

+ Hoạt động thi công hạng mục cầu cống thoát nước: Xây dựng 02 cầu cống hộp bê tông cốt thép kết hợp bê tông xi măng tại vị trí giao cắt tuyến giao thông nội bộ CCN Phú Lạc 2 với suối Điệp; quy mô mỗi vị trí gồm 04 khoang với tổng khẩu độ thoát nước khoảng 16m; bề rộng mặt cầu lần lượt khoảng 11,0m và 13,5m. Kết cấu cầu sử dụng bê tông cốt thép mác cao, bố trí đồng bộ hệ thống móng, sân công, tường đầu, tường cánh, chân khay và gia cố mái taluy bằng bê tông/bê tông xi măng.

- + Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong CCN; hoạt động vận hành các công trình hạ tầng CCN,...

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý tại trạm XLNT thoát ra sông Công. Như vậy, dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt sông Công được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng trên diện tích 110.444,9m² ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm,... của 89 hộ dân (trong đó có 24 hộ dân bị thu hồi đất ở; 65 hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp); di dời 73 ngôi mộ của các hộ dân trong phạm vi dự án.

- Hoạt động phá dỡ khoảng phá dỡ các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của 24 hộ dân gồm: Khoảng 1.320m² nhà bê tông 2 tầng, 3.960m² nhà bê tông 01 tầng, 3.840m² nhà lợp mái bro xi măng 01 tầng, di dời 73 ngôi mộ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, tín ngưỡng, tâm linh và hoạt động sản xuất của người dân.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, gồm:

- + Nguy cơ ngập úng cục bộ tức thời tại khu vực dự án khi mưa lớn kéo dài do hoạt động san nền có nguy cơ làm thay đổi, cản trở hướng tiêu, thoát nước địa hình.

- + Nguy cơ xuống cấp các tuyến đường giao thông khu vực do hoạt động vận chuyển làm ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân khu vực dự án.

- + Phát sinh tổng khối lượng bùn, đất khoảng 348.213,416m³, trong đó gồm: Khoảng 11.938,62m³ đất hữu cơ bóc tầng đất mặt phải quản lý theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; khoảng 336.274,8 m³ đất đào nền, móng một số công trình.

- + Hoạt động thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển; phát sinh chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn cuốn theo chất ô nhiễm.... tác động đến môi trường.

+ Hoạt động thi công hạng mục nắn chỉnh kè suối Điep bằng kè ốp mái xây dựng hệ thống kè ốp mái với chiều dài khoảng 246,29m (kích thước 0,4x0x4x0,16m), thiết kế mái nghiêng hệ số $m = 2$ bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn; chân kè gia cố bằng dầm khóa kết hợp hàng ống buy bê tông cốt thép $D = 1,0m$ và rọ thép đá hộc chống xói; Cos cao đỉnh kè từ +59,0m đến +59,5m, cao trình đỉnh chân kè từ +55,0m đến +56,0m, độ dốc đáy suối tương đương hiện trạng; Hoạt động thi công hạng mục cầu công thoát nước: Xây dựng 02 cầu công hộp bê tông cốt thép kết hợp bê tông xi măng tại vị trí giao cắt tuyến giao thông nội bộ CCN Phú Lạc 2 với suối Điep; quy mô mỗi vị trí gồm 04 khoang với tổng khẩu độ thoát nước khoảng 16m; bề rộng mặt cầu lần lượt khoảng 11,0m và 13,5m. Kết cấu cầu sử dụng bê tông cốt thép mác cao, bố trí đồng bộ hệ thống móng, sân công, tường đầu, tường cánh, chân khay và gia cố mái taluy bằng bê tông/bê tông xi măng gây nguy cơ tác động ảnh hưởng đến lòng, bờ suối Điep khu vực dự án như: làm thu hẹp lòng bờ suối, thu hẹp dòng chảy, làm giảm khả năng tiêu thoát nước của suối, gây bồi lắng, sạt lở bờ suối Điep....

- Hoạt động của CCN: Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN, hoạt động vận hành các công trình hạ tầng của CCN phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, CTNH, khí mùi... có khả năng tác động xấu đến môi trường đất, nước và không khí khu vực nếu không được thu gom, xử lý theo quy định.

3. Các tác động môi trường môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng $4m^3/ngày$; thành phần gồm chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

- Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe khoảng $6m^3/ngày$, có thành phần chủ yếu gồm bùn đất, chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Nước thải phát sinh từ dự án khoảng $280,2m^3/ngày.đêm$, thành phần chủ yếu: pH, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và các thành phần đặc trưng theo nhóm ngành nghề thu hút đầu tư vào CCN như: Tổng nito, tổng Photpho, Kim loại nặng, dầu mỡ.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động đào đắp nền, hoạt động xây dựng công trình và hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải bỏ...; thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x , SO_2 .

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động CCN: Hoạt động của CCN không phát sinh bụi, khí thải. Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu do hoạt động giao thông nội bộ và các dự án đầu tư thứ cấp. Thành phần, tính chất của bụi, khí thải của các dự án đầu tư thứ cấp sẽ được nhà đầu tư thứ cấp đánh giá làm rõ trong hồ sơ môi trường của dự án thứ cấp và lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý theo quy định.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực vật phát quang chủ yếu là lúa và cây lâu năm trong phạm vi dự án.
- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu chủ yếu là bê tông, gạch vỡ khoảng 3.917 tấn; và chất thải rắn từ hoạt động bốc dỡ, di chuyển mô mả, thành phần chủ yếu là gạch, đá với khối lượng khoảng 73m³.
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 20kg/ngày, thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì nilon, vỏ hộp, ...
- Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng như gạch, vữa, đầu mẩu gỗ khoảng 1.976,338 tấn (bình quân khoảng 3,66 tấn/ngày).
- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 905 kg; thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn hỏng...

3.2.2. Dự án đi vào hoạt động

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:
 - + Chất thải rắn thông thường phát sinh từ các dự án thứ cấp trong CCN: Khối lượng, thành phần các loại chất thải của các dự án đầu tư thứ cấp sẽ được Chủ dự án đầu tư thứ cấp đánh giá làm rõ trong hồ sơ môi trường của dự án thứ cấp và chịu trách nhiệm thu gom, xử lý theo quy định.
- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH:
 - + CTNH phát sinh từ hoạt động của CCN chủ yếu gồm: từ hoạt động bảo dưỡng trạm XLNT, bao bì đựng hóa chất thải bỏ, với khối lượng phát sinh khoảng 5 -10kg/tháng; phát sinh bùn thải từ trạm XLNT khoảng 62kg/ngày.
 - + CTNH phát sinh từ các dự án thứ cấp trong CCN: Khối lượng, thành phần các loại chất thải của các dự án đầu tư thứ cấp sẽ được Chủ dự án đầu tư thứ cấp đánh giá làm rõ trong hồ sơ môi trường của dự án thứ cấp và chịu trách nhiệm thu gom, xử lý theo quy định.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển đất, nguyên vật liệu, chất thải bỏ phát sinh tiếng ồn và độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi công trường thi công; có nguy cơ ảnh hưởng đến các nhà dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực thực hiện dự án.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Tiếng ồn từ trạm xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng.
- Sự cố trạm XLNT; sự cố hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT; sự cố cháy nổ, sự cố môi trường khác...

- Nguy cơ tác động ảnh hưởng đến lòng, bờ suối Đệp khu vực dự án: Theo nội dung tính toán thủy văn và phương án kè ốp mái suối Đệp đoạn chạy qua khu vực dự án, phương án thiết kế cầu cống hộp qua suối Đệp theo quy hoạch đã được phê duyệt do Công ty Cổ phần TNG Land lập và nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ suối Đệp trong nội dung báo cáo ĐTM theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ cho thấy, việc kè ốp mái suối Đệp bằng hệ thống kè ốp mái không làm thu hẹp lòng bờ suối, không thu hẹp dòng chảy của suối Đệp; đảm bảo sự lưu thông dòng chảy suối Đệp không làm thay đổi hướng dòng chảy suối Đệp (chảy từ Tây Bắc sang Đông Nam dự án); đảm bảo khả năng tiêu, thoát lũ của suối Đệp, không có nguy cơ gây xói lở bồi lắng suối Đệp, phương án kè ốp mái suối Đệp đã thiết kế đảm bảo ổn định bờ suối Đệp và các vùng đất ven suối Đệp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí nhà vệ sinh lưu động tại khu vực công trường để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí 01 vị trí rửa bánh xe và 01 hồ lắng nước rửa bánh xe khoảng 03m³ để lắng nước thải từ quá trình rửa bánh xe, có đệm thấm hút dầu; nước sau khi lắng được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường; định kỳ thay miếng đệm thấm hút dầu và quản lý theo chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện việc thu gom, đầu nối nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp vào trạm XLNT tập trung của CCN sau khi trạm XLNT tập trung của CCN được xây dựng, hoàn thiện và được cấp giấy phép môi trường theo quy định. Yêu cầu các Chủ dự án đầu tư thứ cấp phải xử lý sơ bộ nước thải đảm bảo tiêu chuẩn đầu nối đầu vào của trạm XLNT tập trung của CCN theo thỏa thuận với Chủ đầu tư hạ tầng CCN. Đối với nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp sản xuất gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, Chủ dự án đầu tư thứ cấp phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cột A, QCVN 40:2025/BTNMT đối với các thông số kim loại và đạt tiêu chuẩn cột B, QCVN 40:2025/BTNMT đối với các thông số còn lại trước khi xả vào hệ thống thu gom, XLNT tập trung của CCN.

Quy trình thu gom, XLNT: Nước thải đầu vào từ các đơn vị thứ cấp → Trạm XLNT tập trung công suất 282m³/ngày.đêm.

Nước thải đầu vào → Bể thu gom → 02 Module bể xử lý hợp khối, công suất mỗi module là 141m³/ngày.đêm, gồm: Bể lắng cát, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH, keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → 02 đơn nguyên bể thiếu khí MBBR → 02 đơn nguyên bể hiếu khí MBBR → 02 đơn nguyên bể lắng sinh học → Bể trung gian → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng quy chuẩn (QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) được xả ra nguồn tiếp nhận tại 01 cửa xả có tọa độ: X = 2394873.01; Y = 409338.20 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30", múi chiều 3⁰). Bố trí 01 hồ sự cố dung tích 450m³ để chứa nước thải khi gặp sự cố và hệ thống máy bơm nước thải sự cố.

Máy móc thiết bị chính của trạm XLNT gồm: 02 máy bơm chìm nước thải công suất 30m³/giờ (công suất 2,2kW) tại bể gom; 02 máy bơm chìm nước thải công suất 27m³/giờ (công suất 0,75kW) tại bể lắng cát; 01 bộ thiết bị đo và điều chỉnh pH tại bể phản ứng, keo tụ tạo bông; 02 máy khuấy bể phản ứng, keo tụ công suất 1,5kW tại bể phản ứng, keo tụ; 01 máy khuấy bể tạo bông công suất 1,5kW tại bể tạo bông; 02 bộ bơm hút bùn công suất 0,75kW tại bể lắng sơ cấp; 04 bộ máy khuấy chìm công suất 0,4kW tại bể thiếu khí; 04 máy bơm tuần hoàn nước thải công suất 26,4m³/giờ (công suất 0,75kW) và 02 hệ thống phân phối khí tinh tại bể hiếu khí; 04 bộ bơm hút bùn công suất 18m³/giờ (công suất 0,75kW) tại bể lắng thứ cấp; 03 máy bơm cấp lọc, rửa lọc công suất 6 - 16,9m³/giờ (công suất 1,5kW) và 02 bồn lọc áp lực công suất 5m³/giờ tại hệ lọc áp lực. Bố trí đầy đủ trang thiết bị dự phòng, điều khiển và phụ trợ đồng bộ đảm bảo trạm XLNT được vận hành thường xuyên, liên tục (Các thông số, số lượng thiết bị như trên là dự kiến, có thể thay đổi trong giai đoạn thiết kế thi công trên cơ sở đảm bảo công suất và chất lượng nước sau xử lý theo đúng quy định).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng gồm: Khoảng Polyme 0,282kg/ngày; PAC 43,879kg/ngày; NaOH 19,74kg/ngày; H₂SO₄ 0,282kg/ngày; chất dinh dưỡng 28,2kg/ngày.

- Lắp đặt công tơ điện độc lập đối với trạm XLNT;

- Theo quy định tại khoản 30 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/1/2026 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Có nhật ký vận hành trạm XLNT ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có), lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hoá chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công nghệ trạm XLNT để bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; phải duy tu, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm XLNT luôn vận hành bình thường.

- Bùn cặn của hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

- Nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp trước khi đầu nối vào trạm XLNT tập trung của CCN (không bao gồm nước thải từ nhà máy may TNG Đại Từ; nước thải của nhà máy được thu gom, xử lý tại trạm XLNT 150m³/ngày.đêm hiện hữu đã được cấp giấy phép môi trường) phải được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào của trạm XLNT tập trung của CCN theo thỏa thuận với Chủ đầu tư hạ tầng CCN. Chủ đầu tư đã đề xuất giá trị các thông số tiếp nhận nước thải đầu vào trạm XLNT của CCN Phú Lạc 2 như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào từ các dự án thứ cấp trong CCN		Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào từ các dự án thứ cấp trong CCN
			Cột A (1)	Cột B (2)	
1	pH	-	6 - 9	6 - 9	6 - 9
2	Nhiệt độ	°C	≤ 40	≤ 40	≤ 40
3	Tổng Nito (T -N)	mg/L	≤ 20	≤ 40	≤ 40
4	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 8,0	≤ 14	≤ 14
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	≤ 40	≤ 60	≤ 60
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 65	≤ 90	≤ 90
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40	≤ 80	≤ 80
8	Tổng Coliform	MNP/100mL	≤ 3.000	≤ 5.000	≤ 5.000
9	Độ màu	Pt/Co	≤ 50	≤ 100	≤ 100
10	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05	≤ 0,25	≤ 0,05
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,001	≤ 0,005	≤ 0,001
12	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,1	≤ 0,5	≤ 0,1
13	Cadimi (Cd)	mg/L	≤ 0,02	≤ 0,1	≤ 0,02
14	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	≤ 0,1	≤ 0,5	≤ 0,1
15	Tổng Crom (Cr)	mg/L	≤ 0,5	≤ 2,0	≤ 0,5
16	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1,0	≤ 3,0	≤ 1,0
17	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 1,0	≤ 5,0	≤ 1,0

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào từ các dự án thứ cấp trong CCN		Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào từ các dự án thứ cấp trong CCN
			Cột A (1)	Cột B (2)	
18	Niken (Ni)	mg/L	≤ 0,1	≤ 3,0	≤ 0,1
19	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2,0	≤ 10	≤ 2,0
20	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2,0	≤ 10	≤ 2,0
21	Bari (Ba)	mg/L	≤ 1,0	≤ 10	≤ 1,0
22	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,02	≤ 0,2	≤ 0,02
23	Thiếc (Sn)	mg/L	≤ 0,5	≤ 5,0	≤ 0,5
24	Selen (Se)	mg/L	≤ 0,1	≤ 1,0	≤ 0,1
25	Xianua (CN ⁻)	mg/L	≤ 0,2	≤ 1,0	≤ 1,0
26	Amoni (NH ₄ ⁺ - N) tính theo N	mg/L	≤ 5,0	≤ 10	≤ 10
27	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/L	≤ 0,1	≤ 0,5	≤ 0,5
28	Tổng Phenol	mg/L	≤ 1,0	≤ 3,0	≤ 3,0
29	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 1,0	≤ 5,0	≤ 5,0
30	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 5,0	≤ 30	≤ 30
31	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	≤ 0,2	≤ 0,5	≤ 0,5
32	Florua (F ⁻)	mg/L	≤ 3,0	≤ 15	≤ 15
33	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	≤ 500	≤ 1.000	≤ 1.000
34	Clo dư	mg/L	≤ 1,0	≤ 2,0	≤ 2,0
35	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/L	≤ 0,05	≤ 0,1	≤ 0,1
36	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/L	≤ 0,3	≤ 1,0	≤ 1,0
37	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0	≤ 5,0	≤ 5,0
38	Sunfit (tính theo SO ₃ ²⁻)	mg/L	≤ 5,0	≤ 10	≤ 10

Trong đó:

- (1) Là giới hạn đối với các thông số kim loại của các dự án đầu tư thứ cấp phải xử lý đạt quy chuẩn trước khi đầu nối xả thải vào hệ thống thu gom về trạm XLNT tập trung của CCN.

- (2) Là giới hạn đối với các thông số còn lại của các dự án đầu tư thứ cấp phải xử lý đạt quy chuẩn trước khi đầu nối xả thải vào hệ thống thu gom về trạm XLNT tập trung của CCN.

- Bố trí cán bộ phụ trách công tác quản lý môi trường của đơn vị để giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các Chủ dự án đầu tư thứ cấp chấp hành quy định pháp luật bảo vệ môi trường, đấu nối và xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu của CCN; đảm bảo biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp luôn luôn đáp ứng tiêu chuẩn đấu nối nước thải vào trạm XLNT của CCN.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Yêu cầu các nhà thầu thi công thực hiện che chắn thùng xe chở vật liệu, đất, phế thải khi tham gia giao thông; rửa xe khi ra khỏi khu vực thực hiện dự án; Bố trí che chắn xung quanh khu vực thi công để giảm thiểu phát tán bụi; Thường xuyên thu dọn đất, vật liệu rơi vãi tại các tuyến đường sử dụng.

- Giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của các nhà thầu thi công; phối hợp với chính quyền địa phương nắm bắt ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Đảm bảo diện tích cây xanh cách ly xung quanh CCN và trạm XLNT theo quy hoạch và quy chuẩn liên quan.

- Duy trì thường xuyên vệ sinh, quét dọn, phun tưới nước các tuyến đường nội bộ CCN để hạn chế phát tán bụi.

- Yêu cầu các Chủ đầu tư dự án đầu tư thứ cấp thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và lắp đặt đầy đủ hệ thống thu gom, xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Khí thải phát sinh từ các công đoạn phát sinh mùi được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý khí thải công suất: 3.000 - 3.500m³/giờ với quy trình xử lý như sau: Khí thải phát sinh từ các công đoạn xử lý (bể gom nước thải, bể điều hòa và cụm bể xử lý nước thải) → Đường ống → Quạt hút → Tháp hấp thụ (sử dụng bằng dung dịch hấp thụ NaOH; kích thước DxH = 1,2mx2,5m) → Khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT → Môi trường không khí.

- Yêu cầu các Chủ đầu tư dự án đầu tư thứ cấp thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và lắp đặt đầy đủ hệ thống thu gom, xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực vật phát quang chủ yếu là lúa và cây lâu năm để người dân thu hoạch trước khi bàn giao mặt bằng cho dự án.

- Vật liệu phá dỡ từ các công trình xây dựng hiện trạng được vận chuyển ngay trong quá trình thi công để xử lý theo quy định. Chất thải xây dựng được thu gom, phân loại và tái sử dụng; các chất thải không thể tái sử dụng được thu gom tập kết vào các vị trí tạm thời trên công trường thi công và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; thuê đơn vị chức năng, đủ điều kiện hoạt động hút bùn bể phốt từ các nhà dân phải di dời và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bố trí thùng chứa rác thải sinh hoạt trên các công trường để chứa rác sinh hoạt phát sinh, hợp đồng với đơn vị có chức năng, đủ điều kiện hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý hằng ngày theo đúng quy định.

- Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại phát sinh, sau đó tập kết vào khu vực có mái che tại khu vực lán trại công nhân và hợp đồng với đơn vị chức năng đủ điều kiện vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Đối với chất thải rắn thông thường: Bố trí các thùng rác thu gom rác thải sinh hoạt tại khu vực công cộng, trục đường giao thông và cây xanh với khoảng cách 01thùng/100m; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển về bãi rác của xã La Bằng trong ngày.

- Đối với chất thải nguy hại: Bố trí, trang bị các thùng chứa CTNH có nắp đậy kín, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định và đặt tại khu vực riêng biệt trong nhà điều hành; vị trí đặt thùng đảm bảo sàn kín khít, không ngập lụt, có mái che và đáp ứng các điều kiện lưu giữ an toàn theo Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại nhà điều hành (có diện tích 28,8m²) của trạm XLNT công suất 282m³/ngày.đêm tại lô đất HTKT-02.

- Phân tích xác định ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ trạm XLNT tập trung để quản lý theo quy định, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chủ dự án có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thổi khí của trạm XLNT tập trung đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh tiếng ồn; chăm sóc dải cây xanh cách ly xung quanh trạm XLNT để hạn chế lan truyền tiếng ồn.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phối hợp với đơn vị chức năng lập, thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, đền bù hỗ trợ các công trình xây dựng, tài sản và cây cối trên đất theo quy định pháp luật; bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi nhà ở theo quy định.

- Tận dụng toàn bộ khoảng 11.938,62m³ đất bóc tầng đất mặt để sử dụng trồng cây xanh trong của dự án. Tận dụng 82.817,7m³ đất đào nền để san nền dự án. Khối lượng đất dự thừa 253.457,09m³ thực hiện theo quy định của pháp luật trước khi vận chuyển và bàn giao cho các đơn vị khác. Quá trình tập kết, sử dụng, vận chuyển phải thực hiện các biện pháp đảm bảo không gây bồi lấp, sạt trượt ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Đối với vấn đề tiêu thoát nước:

+ Thi công san nền dự án tuân thủ thiết kế; đào rãnh thoát nước tạm thời và duy trì việc nạo vét, khơi thông dòng chảy rãnh thoát nước tạm để định hướng dòng chảy trong quá trình thi công.

+ Tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, tạo mái taluy đất xung quanh khu vực dự án kết nối với khu vực xung quanh giữ ổn định nền đất đắp và chống trượt mái dốc các lô đất xây dựng công trình.

+ Xây dựng hệ thống kè ốp mái với chiều dài khoảng 246,29m (kích thước 0,4x0,4x0,16m), thiết kế mái nghiêng hệ số $m = 2$ bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn; chân kè gia cố bằng dầm khóa kết hợp hàng ống bê tông cốt thép $D = 1,0m$ và rọ thép đá hộc chống xói; Cos cao đỉnh kè từ +59,0m đến +59,5m, cao trình đỉnh chân kè từ +55,0m đến +56,0m, độ dốc đáy suối tương đương hiện trạng.

+ Xây dựng 02 cầu cống hộp bê tông cốt thép kết hợp bê tông xi măng tại vị trí giao cắt tuyến giao thông nội bộ CCN Phú Lạc 2 với suối Điệp; quy mô mỗi vị trí gồm 04 khoang với tổng khẩu độ thoát nước khoảng 16m; bề rộng mặt cầu lần lượt khoảng 11,0m và 13,5m. Kết cấu cầu sử dụng bê tông cốt thép mác cao, bố trí đồng bộ hệ thống móng, sân công, tường đầu, tường cánh, chân khay và gia cố mái taluy bằng bê tông/bê tông xi măng.

+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan đến dự án để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

+ Theo dõi, giám sát thường xuyên diễn biến dòng chảy, biến đổi lòng bờ suối Đập sau nắn chỉnh và các nguy cơ ảnh hưởng xói lở lòng bờ suối Đập đến an toàn của công trình và kịp thời có biện pháp bảo vệ công trình, bảo vệ bờ suối Đập không làm gia tăng rủi ro thiên tai tại khu vực.

- Bố trí các thiết bị cảnh báo, biển báo giao thông, phân luồng giao thông trên các tuyến đường tại khu vực phục vụ hoạt động thi công của dự án.

- Thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất đắp nền, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát; phối hợp với chính quyền địa phương và đơn vị quản lý các tuyến đường duy tu, sửa chữa các đoạn bị xuống cấp do hoạt động thi công của dự án.

- Đối với rủi ro, sự cố: Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và quy trình kỹ thuật vận hành máy móc, thiết bị. Phối hợp với chính quyền địa phương nắm bắt ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục ngay những tác động tiêu cực từ các hoạt động của dự án làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân khu vực.

4.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

a) Biện pháp quản lý môi trường của dự án

- Đối với hệ thống thoát nước mưa: Thường xuyên nạo vét hệ thống mương rãnh thoát nước mưa đảm bảo việc tiêu thoát nước, giảm thiểu nguy cơ ngập úng cục bộ.

- Biện pháp ứng phó sự cố trạm XLNT:

+ Đối với sự cố non tải: Duy trì vận hành 01 mô đun (01 line cụm bể hóa lý và 01 line cụm bể xử lý sinh học để phục vụ cho việc chạy vận hành khi lưu lượng đầu vào linh hoạt (nước thải $\leq 50\%$ công suất chạy 1 line; $>50\%$ công suất chạy 2 line).

+ Đối với sự cố quá tải: Duy trì vận hành 02 mô đun xử lý kết hợp bơm nước thải từ bể thu gom về hồ sự cố. Trường hợp quá tải kéo dài, yêu cầu các đơn vị thứ cấp giảm công suất sản xuất để giảm lưu lượng nước thải về trạm XLNT của CCN.

+ Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường cống: Kịp thời sửa chữa, thay thế các đoạn đường ống bị tắc, bị rò rỉ đảm bảo trạm XLNT hoạt động liên tục.

+ Đối với sự cố nước thải không đạt yêu cầu: Nước thải sau xử lý xả vào hồ chứa nước thải sự cố tổng dung tích 450m³ để khắc phục sự cố hệ thống. Trường hợp khắc phục nhanh nước thải từ bể sự cố sẽ được bơm tuần hoàn lại bể điều hòa để xử lý, trường hợp phải khắc phục dài ngày sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đi xử lý; không xả thải chưa qua xử lý ra môi trường.

+ Kiểm soát chất lượng nước thải của đơn vị thứ cấp: Chủ dự án thực hiện lấy mẫu định kỳ và đột xuất kiểm soát, giám sát chất nước thải của các đơn vị thứ cấp đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung CCN. Trường hợp nước thải của các đơn vị thứ cấp vượt yêu cầu đầu nối nước thải, Chủ dự án khoá van đầu nối nước thải và yêu cầu chủ dự án thứ cấp xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Biện pháp ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống, các ống thu gom nước thải sử dụng ống HDPE có độ bền cao.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Lập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

b) Biện pháp quản lý môi trường đối với các đơn vị thứ cấp

Chủ đầu tư CCN thực hiện các biện pháp quản lý môi trường đối với các đơn vị thứ cấp như sau:

- Yêu cầu các đơn vị thứ cấp thực hiện các yêu cầu theo hồ sơ thủ tục về môi trường được cấp theo quy định; hoàn thiện hồ sơ môi trường trước khi đi vào hoạt động, đầu tư xây dựng đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường được phê duyệt, cấp phép.

- Hoàn thiện việc thu gom, đầu nối nước thải từ các đơn vị thứ cấp vào trạm XLNT của CCN sau khi trạm XLNT của CCN được xây dựng, hoàn thiện và được cấp giấy phép môi trường theo quy định. Yêu cầu các đơn vị thứ cấp xử lý sơ bộ nước thải đảm bảo tiêu chuẩn đầu nối đầu vào của trạm XLNT tập trung của CCN theo thỏa thuận với Chủ đầu tư hạ tầng CCN.

- Yêu cầu các đơn vị thứ cấp tự quản lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, chất thải rắn thải sinh hoạt theo quy định và hợp đồng thu gom, xử lý với các đơn vị chức năng có đủ năng lực theo quy định.

- Yêu cầu các đơn vị thứ cấp tự lắp đặt, vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

- Yêu cầu các đơn vị thứ cấp thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện chương trình quan trắc môi trường, các chế độ báo cáo theo quy định.

- Chấp hành các yêu cầu của đơn vị quản lý hạ tầng CCN phải dừng sản xuất hoặc giảm công suất sản xuất để giảm lưu lượng phát thải phục vụ công tác sửa chữa khi trạm XLNT tập trung của CCN gặp sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Trong quá trình thi công xây dựng

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý, giám sát các nhà thầu thi công trong việc đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường đã cam kết; yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt trong quá trình thực hiện và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; yêu cầu dừng thi công khi để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để kịp thời khắc phục.

5.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm

- Chủ dự án lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra, cấp phép trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/1/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.3. Trong quá trình hoạt động

5.3.1. Giám sát định kỳ nước thải

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Vị trí: 01 vị trí nước thải sau xử lý tại trạm XLNT công suất 282m³/ngày.đêm trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số giám sát: Lưu lượng; pH; nhiệt độ; Độ màu; BOD₅; COD; TSS; Amoni; Asen (As); Thủy ngân (Hg); Chì (Pb); Cadimi (Cd); Crom (IV); Tổng Crom; Đồng (Cu); Kẽm (Zn); Niken (Ni); Mangan (Mn); Sắt (Fe); Xianua (CN⁻); Bari (Ba); Antimon (Sb); Thiếc (Sn); Selen (Se); Phenol (C₆H₅OH); Tổng Phenol; Dầu mỡ động thực vật; Dầu mỡ khoáng; Sunfua (SO₄²⁻); Sunfit (SO₃²⁻); Florua (F⁻); Tổng nitơ; Tổng photpho; Clo dư; Clorua (Cl⁻); Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ; Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ; Chất hoạt động bề mặt anion; Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT Cột A.

- Tần suất: 01 năm/lần đối với các thông số: Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ; 03 tháng/lần đối với các thông số còn lại.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ đầy đủ các trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN quy định tại Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể tại Điều 48, 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; khoản 19, 20 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Điều 19, Điều 20 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/1/2026 của Chính phủ.

- Đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng các công trình của dự án; tổ chức phân khu chức năng để đảm bảo hạn chế được các tác động giữa các doanh nghiệp, tránh gây ô nhiễm chéo giữa các nhà máy trong CCN; đảm bảo việc thu hút các dự án đầu tư có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người được bố trí tại vị trí có đủ diện tích đảm bảo khoảng cách li đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới khu vực thi công và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực, nhất là suối Địch.

- Tuyệt đối không đổ thải hoặc để cuốn trôi đất đá, nguyên vật liệu, chất thải xây dựng xuống hệ thống thoát nước của khu vực, nhất là đoạn kênh thuỷ lợi chạy qua khu vực dự án làm cản trở dòng chảy và thoát nước địa hình; theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan, kịp thời phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các giải pháp khắc phục; chịu trách nhiệm đối với việc đảm bảo phòng chống, khắc phục trượt sạt đối với đoạn suối Điep sau nắn chỉnh trong phạm vi dự án.

- Thi công xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế và hoàn thành trạm XLNT theo đúng tiến độ đưa ra trong báo cáo ĐTM; vận hành trạm XLNT tập trung theo đúng quy trình, đảm bảo nước thải được xử lý đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A); bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi. Lắp đặt công tơ điện độc lập đối với trạm XLNT. Có nhật ký vận hành trạm XLNT ghi chép, lưu giữ đầy đủ các nội dung theo quy định; vận hành thường xuyên, đúng quy trình công nghệ, duy tu, bảo dưỡng trạm XLNT định kỳ, đảm bảo trạm XLNT luôn vận hành bình thường.

- Thi công nắn chỉnh suối Điep theo quy hoạch và thiết kế được phê duyệt đảm bảo điều kiện thoát nước, ổn định bờ kè, không gây xói lở bồi lắng, không để xảy ra ngập úng cục bộ tại khu vực dự án; theo dõi, giám sát thường xuyên diễn biến dòng chảy, biến đổi lòng suối sau nắn chỉnh và các nguy cơ ảnh hưởng xói lở lòng bờ suối đến an toàn của công trình và kịp thời có biện pháp bảo vệ công trình, bảo vệ bờ suối Điep không làm gia tăng rủi ro thiên tai tại khu vực.

- Thiết kế, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án đảm bảo hành lang nguồn nước đối với suối Điep theo quy định tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Yêu cầu các dự án thứ cấp thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

+ Lập hồ sơ về môi trường và xây dựng các công trình bảo vệ môi trường được cơ quan chức năng có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

+ Xử lý sơ bộ và đầu nổi nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN theo thoả thuận đầu nổi nước thải vào trạm XLNT tập trung của CCN để đảm bảo xử lý đạt yêu cầu trước khi thải ra môi trường; đảm bảo các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp luôn phải đáp ứng tiêu chuẩn trước khi đầu nổi nước thải vào trạm XLNT của CCN.

+ Lắp đặt công trình thu gom xử lý bụi, khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; quản lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt theo quy định và hợp đồng thu gom, xử lý với các đơn vị chức năng có đủ năng lực, được cấp phép theo quy định.

- Xây dựng quy chế về bảo vệ môi trường CCN phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường và bố trí diện tích cây xanh của CCN đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt và quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, cấp phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường CCN theo quy định pháp luật hiện hành; bố trí nhân sự chuyên trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình quản lý, vận hành hoạt động CCN.

- Thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên cổng thông tin của Chủ dự án hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại khoản 5 Điều 37 và Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.